

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ ĐẮK LẮK

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Dược-Vật tư y tế Đắc Lắc.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6000449389**
- Vốn điều lệ: **19.415.880.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **19.415.880.000 đồng**
- Địa chỉ: **09A Hùng Vương – Tp. Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đắc Lắc**
- Số điện thoại: **05003.812394**
- Số fax: **05003.858805**
- Website: **http://www.bamepharm.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **DBM**

*** Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- Ngày thành lập Công ty: 14/04/1976.
- Ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần: 31/12/2003 với 51% vốn điều lệ do SCIC nắm giữ và chi phối. Tháng 10/2012, 51% phần vốn góp của SCIC được chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Traphaco.
- Thời điểm niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UpCOM vào tháng 08/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Mua bán thuốc, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm. Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện. Mua bán các sản phẩm chức năng và dinh dưỡng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty tại 02 tỉnh: Đắc Lắc và Đắc Nông.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị của Công ty được cơ cấu theo mô hình trực tuyến-chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

Bộ máy quản lý của Công ty được cơ cấu như sau:

+ Quản lý cấp cao: Ban Tổng Giám đốc điều hành.

+ Quản lý cấp trung: Gồm Kế toán trưởng, Giám đốc kinh doanh, các trưởng phòng: Kế toán - Tài chính, Kế hoạch-Nghiệp vụ, Tiếp thị bán hàng, Tổng hợp nội vụ, Đảm bảo chất lượng và Giám đốc các chi nhánh.

+ Quản lý cấp cơ sở: Phó phòng, Trưởng kho và trưởng các nhà thuốc trung tâm tại các huyện và thành phố thuộc Tỉnh Đắk Lắk.

- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Tái cấu trúc bộ máy quản lý trên cơ sở nâng cao năng lực quản lý và cải tiến phương thức điều hành.
- Phát triển thị trường và tăng trưởng thị phần OTC; củng cố thị phần ETC.
- An toàn vốn đi đôi với đảm bảo thu nhập người lao động và hiệu quả kinh doanh
- Đầu tư có trọng điểm và hiệu quả
- Nâng cao các mối quan hệ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Chiến lược về quản lý:

Trước hết về cơ cấu tổ chức: Thực hiện cấu trúc tổ chức và bộ máy quản lý Công ty theo mô hình trực tuyến chức năng nhằm đảm bảo nguồn thông tin và thực hiện mệnh lệnh có tính thống nhất cao.

Thứ hai, Quản trị chi phí và rủi ro: Áp dụng phần mềm hỗ trợ trong công nghệ thông tin để kiểm soát hoạt động doanh thu và chi phí. Tập trung rà soát và giảm các khoản chi phí: điện, vận phòng phẩm, vận chuyển và chi phí khổng chế. Kiểm soát tốt dòng tiền lưu thông và các khoản nợ, điều hành linh hoạt trong chính sách tín dụng nhằm hạn chế rủi ro.

Thứ ba, phân phối tiền lương: Duy trì định mức khoán tiền lương đối với các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chi trả lương trên cơ sở năng lực và hiệu quả công việc.

Thứ tư, hoạt động đoàn thể: Phối hợp và giao trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức đoàn thể giải quyết các vướng mắc về tư tưởng, động viên, khích lệ các thành viên trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính tại doanh nghiệp một cách hiệu quả.

Thứ năm, khai thác hiệu quả tài sản cố định: Tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng các tài sản cố định có gắn liền với đất (bao gồm đất thuê và đất sở hữu), trả hoặc cho thuê đất sử dụng không hiệu quả.

Thứ sáu, đa dạng sản phẩm kinh doanh: Mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp với năng lực thực tế của Công ty, nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty tại thị trường Đắk Lắk và vùng lân cận.

Chiến lược về đầu tư:

Trước hết về thực hiện GPs; Ổn định mạng lưới, cơ sở đã được cấp phép và phát huy hiệu quả từ xây dựng GPs mang lại.

Thứ hai, xây dựng cơ bản: Đầu tư có trọng điểm trên cơ sở tính đến hiệu quả lợi nhuận từ dòng tiền đầu tư.

Thứ ba, con người: Tập trung chọn lọc, bồi dưỡng đội ngũ kế cận ở các cấp quản lý có đầy đủ trình độ, năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng một phong cách làm việc chuyên nghiệp cho người lao động thông qua đào tạo thực tiễn và đào tạo tập trung ngắn ngày.

Thứ tư, phương tiện làm việc: Trên cơ sở nhu cầu phát triển doanh thu và thực hiện mục tiêu của Công ty, sẽ đầu tư trang bị phương tiện làm việc phù hợp và mang lại hiệu quả cao.

Chiến lược thị trường

Trước hết về Sản phẩm kinh doanh chính: Tập trung khai thác sản phẩm chủ lực mà Công ty

có lợi thế và thị trường còn bỏ ngõ nhằm gia tăng lợi nhuận và tăng thị phần.

Thứ hai, chăm sóc khách hàng: Phân bổ ngân sách từ đầu năm kế hoạch để đưa ra các định hướng chăm sóc khách hàng, nhằm thực hiện được các mục tiêu đã đặt ra.

Thứ ba, nhà cung cấp chủ lực: Định hướng nhà cung cấp chủ lực nhằm tạo lợi thế khác biệt về chi phí so với đối thủ cạnh tranh.

Thứ tư, mối quan hệ: Tăng cường các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan trong Tỉnh Đắk Lắk và Đắk nông nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ để duy trì và phát triển hệ thống.

Thứ năm, thương hiệu: Tập trung tận dụng lợi thế về hệ thống thông tin của Công ty để quảng bá hình ảnh đồng thời triển khai giao dịch thông qua thương mại điện tử.

Chiến lược lãnh đạo

Trước hết, phong cách lãnh đạo: Vận dụng linh hoạt phong cách lãnh đạo từng đối tượng cụ thể trên cơ sở lấy mục tiêu và lợi ích chung của Công ty làm trọng tâm.

Thứ hai, xây dựng văn hóa tổ chức: Triển khai từng bước về 05 giá trị cốt lõi của Công ty.

Thứ ba, người quản lý. Xây dựng đội ngũ quản lý của Công ty phải có trình độ, kiến thức về nghiệp vụ đảm trách và năng lực về quản lý

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

* Đảm bảo chất lượng sản phẩm phân phối ra thị trường với mục tiêu vì sức khỏe cộng đồng.

* Thực hiện chăm lo, chia sẻ với cộng đồng thông qua các hoạt động từ thiện.

* Kinh doanh phân phối vì môi trường xanh, sạch.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

* Chính sách pháp luật của nhà nước về kinh doanh ngành nghề của Công ty chưa ổn định.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần đồng thời đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (UpCOM), hoạt động của Công ty CP Dược-Vật tư y tế Đắk Lắk chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đăng ký giao dịch. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Tỷ lệ (%) 2016/2015
Tổng doanh thu	295.937	272.488	(8)
Chi phí kinh doanh	28.663	28.820	+0,5
Lợi nhuận trước thuế	8.740	8.272	(5,36)
Lợi nhuận sau thuế	6.603	6.401	(3,1)

FL	2,05	1,67	(0,38)
LN trước thuế / Tổng doanh thu(%)	2,95	3,03	+0,08
Cổ tức	12%	12%	
EPS (đồng)	3.144	2.875	(8,56)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

* Ban Tổng Giám đốc điều hành:

a. Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị kim Liên – Sinh năm 1961 - Dược sĩ Đại học.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 32.220 cổ phần tương đương 1,66%/ Vốn điều lệ Công ty.

b. Phó Tổng Giám đốc: Phan Thành Trinh – Sinh năm 1979 – Bác sĩ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 18.307 cổ phần tương đương 0,94%/ Vốn điều lệ Công ty.

c. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Ngọc Tuyên – Sinh năm 1966 - Tiến sĩ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1.745 cổ phần tương đương 0,09%/Vốn điều lệ Công ty.

d. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Hân – sinh năm 1988 – Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần tương đương 0%/Vốn điều lệ công ty.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): Bổ nhiệm ông Phan Thành Trinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 01/09/2016.

- Số lượng cán bộ, nhân viên, Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Đến cuối năm 2016, số lượng CBNV tại Công ty là 157 người.

Trong năm 2016 số lượng nghỉ hưu theo chế độ 03 người; nghỉ hưu trước tuổi 03 người; thanh lý HĐLĐ: 05 người; số lượng lao động tuyển dụng mới 02 người.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. Sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

-Tổ chức sự kiện 40 năm thành lập Công ty: 530 triệu đồng

-Sửa chữa, nâng cấp kho YHCT: 345 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín			

<i>dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	95.533.069.393	86.224.599.131	
Doanh thu thuần	296.092.133.428	272.488.145.252	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.094.559.479	7.501.426.055	
Lợi nhuận khác	645.509.911	771.181.118	
Lợi nhuận trước thuế	8.740.069.390	8.272.607.173	
Lợi nhuận sau thuế	6.603.429.584	6.401.292.045	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

DVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ %
1.TỔNG CỘNG TÀI SẢN	95.533.069	86.224.599	(9,75)
I. Tài sản ngắn hạn	87.239.241	78.942.978	(9,51)
1.Tiền và các khoản tương đương tiền	32.842.361	20.368.971	(38)
2.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000	10.600.000	+430
3.Các khoản phải thu ngắn hạn	25.061.654	19.802.446	(21)
4.Hàng tồn kho	26.954.903	27.932.017	+3,6
5.Tài sản ngắn hạn khác	380.322	239.543	(37)
II.Tài sản dài hạn	8.293.827	7.281.620	(12,2)
1.Tài sản cố định	6.908.534	6.781.620	(2)
2.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	761.976	500.000	(34,4)
3.Tài sản dài hạn khác	122.500	0	(100)
2.TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	95.533.069	86.224.599	(9,75)
I. Nợ phải trả	49.051.170	34.521.113	(29,6)
1.Nợ ngắn hạn	49.051.170	34.521.113	
2.Nợ dài hạn	0	0	
II.Vốn chủ sở hữu	46.481.898	51.703.485	+11,23
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.415.880	19.415.880	
3.CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
ROE	14,2	12,34	(1,86)
ROA	6,9	7,4	+0,5
ROIS	0,07	0,07	-
EPS	2.819	3.297	+16,9
PE (P = 22.400)	9,86	6,79	(3,07)
PB	23.940	23.630	
Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh	1,23	1,48	+0,25
D/A	0,51	0,4	(0,11)
D/E	1,06	0,67	(0,39)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: **1.941.588 cổ phần** (không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng).

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

* Cổ đông lớn: Công ty CP Traphaco 58,21%.
AMERICA LLC: 22,71%

* Cổ đông nhỏ: 19,08%

- Cổ đông là tổ chức: Công ty CP Traphaco 58,21%, Công ty America LLC 22,71%

- Cổ đông là cá nhân nước ngoài: 0,94%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.: **Không**.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: **Không**.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước chính: Công ty TNHH MTV cấp nước và đầu tư xây dựng Đắk Lắk.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Hiện tại Công ty không có hệ thống tái chế sử dụng lại các nguồn nước qua sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không**.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động 157 người. Mức thu nhập bình quân 6,9 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Thực hiện trong Quy chế quản trị nội bộ, Thỏa ước lao động tập thể và pháp luật có liên quan.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trong 2016 đào tạo về kiến thức chuyên môn có 04 lớp với sự tham gia của 111 lượt người.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Tham gia các phong trào kết nghĩa thôn buôn, Đồn biên phòng, các chương trình thân, tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, các chương trình hướng về Trường Sa và Hoàng Sa,... Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn doanh nghiệp đứng chân.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

+ Nâng cao năng lực đầu thầu qua các hoạt động: Cùng cố sản phẩm, tăng cường mối quan hệ, giảm chi phí trung gian nâng cao năng lực cạnh tranh về giá.

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng như: đảm bảo đầy đủ về hàng hóa, rút ngắn thời gian giao hàng, tăng cường công tác chăm sóc và giải quyết những khiếu nại của khách hàng kịp thời.

+ Năng suất lao động không đạt do tổng doanh thu không đạt (Đạt 85% so với kế hoạch, giảm 8,07% so với cùng kỳ), tuy nhiên việc giám nhân sự và cân đối cấu trúc nhân sự đã hỗ trợ cho năng suất lao động nên chỉ giảm 7,93% (trong khi doanh thu bị thiếu 15%).

+ Thực hiện tạo độ phủ sản phẩm chủ lực đến 800 khách hàng.

Trong đó đối với nhóm SP Tra đạt được trên 800, nhóm sản phẩm GCNK chỉ đạt tỷ lệ trung bình từ 340- 390 khách hàng đạt < 50% độ phủ.

+ Kết nối được mục tiêu nhà cung cấp chủ lực ngoài Công ty Hitsamitsu: Công ty Khương Duy.

+ Nhóm sản phẩm đã từng bước chiếm thị phần gồm GCNK và Traphaco.

+ Các chỉ tiêu hoạt động OTC có tăng trưởng so với cùng kỳ, tỷ lệ khách hàng tham gia tăng 15%

* Nguyên nhân:

+ Hoạt động doanh thu điều trị (chiếm thị phần 40%/ cấu trúc tổng doanh thu) chỉ đạt 69%/KH tương ứng đạt 27,7 thị phần và tụt 23% so với cùng kỳ không thể bù đắp bởi doanh thu OTC, trong khi doanh thu OTC chỉ tăng trưởng được 1,93% (yêu cầu tăng trưởng 11%),

+ Kênh OTC bị cạnh tranh khốc liệt không khác gì ETC thậm chí ngoài tầm kiểm soát bởi những đối thủ cạnh tranh lớn qua chính sách bán hàng mà còn có những đối thủ nhỏ đánh du kích bằng giá rẻ (trong khi đó cơ quan quản lý ko kiểm soát được), hệ thống được duy trì qua các chính sách và mối quan hệ lâu năm đã không thể chặn được những tác động của thị trường vào kinh tế và ham muốn của các quầy. Nguyên nhân: Sức cạnh tranh kênh OTC đang bước vào giai đoạn khốc liệt về sản phẩm, dịch vụ và các chính sách bán hàng

- Sản phẩm mang thương hiệu riêng của công ty ra thị trường ngoại tỉnh chưa được triển khai.

2. Tình hình tài chính

Qua bảng cân đối kế toán của Công ty năm 2016 và so sánh với năm 2015, có thể thấy tình hình tài chính của Công ty vẫn đảm bảo an toàn và được kiểm soát tốt. Bức tranh tài chính năm 2016 đã được cải thiện hơn nhiều so với năm 2015 về tự chủ vốn và thanh khoản. Phân tích tình hình tài chính năm 2016 được đánh giá ở một số yếu tố trọng yếu sau:

Trước hết, qua bảng so sánh tổng tài sản của Công ty giảm so với năm 2015 là 9,75%. Tổng tài sản giảm được ghi nhận giảm ở 02 khoản mục lớn đó là khoản phải thu và tiền - các khoản tương đương tiền. Lượng tiền lưu động của Công ty vào cuối năm tài chính giảm là do một phần được chuyển hóa sang hoạt động đầu tư vốn (thay đổi cách hạch toán) và một phần đầu tư chi phí kinh

doanh để đảm bảo mục tiêu tăng thị phần bán lẻ, chăm sóc khách hàng. Khoản phải thu khách hàng giảm do một phần doanh thu bán hàng cho khối điều trị giảm và công tác quản trị nợ của công ty thực hiện tốt hơn so với năm 2015. Tỷ lệ nợ trên doanh thu vào cuối kỳ năm tài chính giảm từ 8,47% năm 2015 xuống còn 7,27% năm 2016.

Thứ hai, đánh giá về nguồn vốn Công ty trong năm 2016 có hai khoản mục quan trọng được ghi nhận kết quả tốt hơn so với năm 2015, đó là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Ghi nhận trong khoản mục nợ phải trả, chỉ có nợ ngắn hạn không có nợ dài hạn. Đây cũng là năm trong suốt nhiệm kỳ III công ty không có sử dụng vốn vay cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh trung và dài hạn. Đối với nợ ngắn hạn, công ty đã kiểm soát tốt khoản nợ phải trả cho người bán, chủ yếu là nhà cung cấp sản phẩm thương mại hàng hóa, đưa khoản nợ này giảm so với năm 2015. Qua con số trên, việc quản trị vòng quay sản phẩm và dòng tiền đã được chú trọng hơn trong năm tài chính. Đối với khoản mục vốn chủ sở hữu trong năm tài chính báo cáo tăng hơn 11,23% so với năm 2015. Đây cũng là tín hiệu tốt, cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty vừa đảm bảo an toàn vốn, vừa đảm bảo tích lũy cơ bản cho hoạt động kinh doanh của năm kế tiếp và chi trả cổ tức cho cổ đông.

Thứ ba, đánh giá các chỉ số tài chính cơ bản. Do suốt cả nhiệm kỳ III (2012-2016), công ty không sử dụng vốn vay cho mục đích ngắn hạn và dài hạn, hoặc chưa sử dụng đòn bẩy tín dụng trong lá chắn thuế nên các chỉ số ROA, ROE và ROIS có sự biến động không đáng kể khi so sánh với cùng kỳ. Tỷ lệ nếu có biến động chủ yếu phụ thuộc tập trung vào giảm hoặc tăng của các biến số hiện diện trong bộ chỉ số. Đánh giá các chỉ số còn lại, có thể thấy tình hình quản trị vốn trong năm tài chính báo cáo đảm bảo an toàn, đặc biệt công ty có thể tự chủ hoạt động kinh doanh thương mại trên nguồn vốn của mình cho những năm tài chính kế tiếp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

a. Đối với hoạt động thị trường:

Tăng trưởng thị phần OTC trên nền tảng:

- Giữ vững khách hàng truyền thống
- Phát triển doanh thu khách hàng trong hệ thống quản lý
- Mở rộng khách hàng bên ngoài
- Phát triển doanh thu sản phẩm chủ lực

Cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ đạt được các mục tiêu đặt ra

- Thực hiện dịch vụ về thời gian giao hàng trong vòng 24h
- Đảm bảo cho khách hàng các quyền lợi từ các chính sách bán hàng

Xác định sản phẩm mang thương hiệu, mở rộng thị trường và phát triển sp có chiều sâu.

b. Đối với hoạt động nhân sự:

Xây dựng văn hóa : Trách nhiệm với nhiệm vụ và thương hiệu công ty

Sắp xếp, bố trí hoạch định tuyển dụng nhân sự đảm bảo chính sách thu nhập, phát huy năng lực đi đôi với hiệu quả hoạt động kinh doanh.

c. Đối với hoạt động tài chính

- Hoạch định kế hoạch tài chính, thực hiện có kiểm soát và phân tích hiệu quả hoạt động.
- Thực hiện các chính sách tín dụng hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh.
- Đề ra các giải pháp tài chính để quản trị hoạt động đảm bảo sử dụng chi phí hợp lý, an toàn vốn và lợi nhuận.

- Sử dụng nguồn lực hiện hữu để đạt thu nhập tài chính 1 tỷ đồng/ năm

d. Đối với hoạt động đầu tư

Công tác tái đầu tư Đầu tư phù hợp đi đôi với hiệu quả hoạt động gồm:

- Nâng cấp kho cũ tại 70 Ngõ gia Tự
- Tiếp tục trang bị thiết bị cho kho YHCT
- Nâng cấp kho CN Ekar
- Sửa nhà CN BMT- Curkuin
- Trang bị xe Vận chuyển hàng với trọng tải dưới 1 tấn cho đơn vị cơ sở.

Chi phí dự kiến : 2,3 tỷ

Công tác thu hoạch tài chính từ việc cho thuê bất động sản: thực hiện cho thuê và liên kết đầu tư đạt chỉ tiêu 600 triệu/ năm.

e. Hoạt động chuyên môn:

- Nâng cao chất lượng hoạt động GPs
- Đảm bảo hàng hóa giao đến cho khách hàng đúng lot, date theo qui định.
- Xây dựng chuỗi hệ thống phân phối và nhà thuốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban Tổng Giám đốc có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng.
- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT,

Ban Tổng Giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực, bố trí công việc hợp lý, đào tạo đội ngũ quản lý đáp ứng yêu cầu công việc.
- Nâng cao mối quan hệ với các cơ quan hữu quan tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh bền vững và xây dựng giải pháp tăng doanh thu thị phần điều trị.
- Thay đổi phương thức quản lý điều hành. Thống nhất trong chỉ đạo và hành động.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý cấp trung với tinh thần hợp tác, chia sẻ, cam kết và trách nhiệm
- Thực hiện đúng kế hoạch tài chính năm 2017.
- Quản trị, tiết giảm chi phí quản lý.
- Đảm bảo tài chính đáp ứng cho hoạt động đầu tư đã được ĐHCĐ thông qua.
- Duy trì các hoạt động quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GPs: GDP, GPP, GSP. Đảm bảo 100% sản phẩm lưu thông trên thị trường đạt chất lượng

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



DS Nguyễn Thị Kim Liên